ATÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 150/2021/HSST
Ngày 30/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lê Việt Hùng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Q Huy**

Ông **Nguyễn Văn Xuất**

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Tô Ngọc Lâm** – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Xuân** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 140/2021/TLST - HSST ngày 06/9/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2021/QĐXX ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên **Nguyễn Thị D** sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn B Th 3, xã Q T, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1950; Con bà: Lê Thị B, sinh năm 1958; Chồng: chưa có; Con: có 01 con, sinh năm 2011. Theo danh chỉ bản số 559 ngày 07/7/2021 do Công an huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội lập thì bị cáo có không có tiền án, tiền sự. Nhân thân: Ngày 14/5/2021, bị Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 Bộ luật hình sự) và tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật hình sự). Vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo đang bị Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội tạm giam trong vụ án khác tại Trại tạm giam số 1 – Công an TP Hà Nội. Số giam: 2464/M5B. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên **Mạc Đăng D1,** sinh năm 1978; Nơi đăng ký HKTT: Khu Ch, xã H N, huyện Sóc Sơn,thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Mạc Đăng D; Con bà: Trần Thị B; Vợ: Nhữ Thị Th; có 01 con sinh năm 2007. Theo danh chỉ bản số 507 ngày 13/6/2021 do Công an huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội lập thì bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên **Nhữ Thị Th,** sinh năm 1981; Nơi đăng ký HKTT: Khu Ch, xã H N, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Nhữ Văn Ch (đã chết); Con bà: Đinh Thị Nh; Chồng Mạc Đăng D1; có 01 con sinh năm 2007. Theo danh chỉ bản số 508 ngày 13/6/2021 do Công an huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội lập thì bị cáo không có tiền án, tiền sự. Nhân thân: Ngày 14/5/2021, bị Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 Bộ luật hình sự). Vụ án đang điều tra. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên **Đỗ Văn Th,** sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: N1 C, xã T D, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông: Đỗ Văn Th; Con bà: Hoàng Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018. Theo danh chỉ bản số 509 ngày 13/6/2021 do Công an huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội lập thì bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ a, thị trấn S S, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội.

2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn M T2, xã T D, huyện Sóc Sơn, TP.Hà Nội

3. Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1972
4. Bà **Nguyễn Thị Nh,** sinh năm 1972

Cùng trú tại: thôn Th Th1, xã X Th2, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

NỘI D VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1972, trú tại thôn Th Th1, xã X Th2, huyện Sóc Sơn, Hà Nội có vay 10.000.000đ (mười triệu đồng) của Nguyễn Đức Q, sinh năm 1977, trú tại thôn K Th, xã K2 L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Do có quan hệ họ hàng nên việc vay mượn chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ gì nhưng ông Th tự đặt lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 6, diện tích 279m2 thuộc thôn Th Th1, xã X Th2, huyện Sóc Sơn, Hà Nội để làm tin. Đến hạn không thấy ông Th đến trả tiền, do cần tiền nên tháng 5 năm 2013, Q đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th đến gặp bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959, trú tại tổ 4, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội đặt làm tin và vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Th gian sau, do Q phạm tội Trộm cắp tài sản nên bị xử án phạt tù phải đi chấp hành án tại trại giam nên bà Sửu mất liên lạc với Q. Năm 2016, bà Sửu cần tiền nên đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th đặt làm tin để vay tiền của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950, trú tại Thôn M T2, xã T D, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Do có quan hệ quen biết xã hội với Nguyễn Thị D sinh năm 1989, trú tại thôn B Th 3, xã Q T, huyện Sóc Sơn, Hà Nội nên khoảng tháng 6 năm 2019, bà Sửu đã nói cho D biết việc vay tiền của ông T như trên và nhờ D trả tiền giúp bà để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Th. Khoảng đầu tháng 7 năm 2019, D đã cùng bà Sửu đến nhà ông T, trả cho ông T số tiền 90.000.000 đồng và lấy sổ đỏ của nhà ông Th. D cầm sổ đỏ về nhà và đọc thì thấy thông tin chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Văn Th, ở thôn Th Th1, xã X Th2, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. D nảy sinh ý định làm giả giấy tờ để sang tên sổ đỏ sau đó thế chấp vay tiền ngân hàng nên đã liên lạc với Đỗ Văn Th, sinh năm 1989, trú tại thôn N1 C, xã T D, huyện Sóc Sơn, Hà Nội để nhờ Th đứng ra ký hợp đồng, đứng tên người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hẹn xong việc sẽ trả cho Th 5.000.000 đồng tiền công. D liên lạc với Mạc Đăng D1, sinh năm 1978 và Nhữ Thị Th, sinh năm 1981, trú tại khu Chợ Nam Cương, xã H N, huyện Sóc Sơn, Hà Nội đặt vấn đề nhờ D, Th đứng ra là bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất và sẽ trả công cho D, Th là 5.000.000 đồng. D, Th đồng ý và đã cung cấp chứng minh thư nhân dân cho D. D đem CMND của D, Th rồi đem ra quán photo scan gửi cho một người tên "Phan Hoàng" ở miền Nam và thuê làm giả CMND, sổ hộ khẩu và trích lục đăng ký kết hôn theo thông tin của bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Th. Tổng số tiền phải chi cho việc làm giả là 15.500.000 đồng, việc thanh toán tiền được gửi trực tiếp cho người giao hàng nên D không có số điện thoại và địa chỉ của người làm giả. Sau khi có đủ giấy tờ thì ngày 18/7/2019, D đón vợ chồng D, Th đến phòng công chứng số 05 để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng Th – Nh và dặn chỉ cần ký tên vào phần chữ ký Th - Nh. Tại Văn phòng công chứng số 05, D, Th, Th biết rõ giấy tờ pháp lý của bên chuyển nhượng là giả nhưng vẫn giúp D thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xong việc, D đã trả cho Th, D mỗi người 5.000.000 đồng tiền công và tự đem hồ sơ đến văn phòng đăng ký đất đai để T hành thủ tục đăng ký sang tên. Khi làm xong thủ tục, D đã tiêu hủy toàn bộ giấy tờ giả gồm 02 chứng minh thư nhân dân, trích lục kết hôn và sổ hộ khẩu mang tên ông Th, bà Nh.

Ngày 07/8/2019, D được VPĐKĐĐ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, D chưa kịp làm thủ tục vay tiền ngân hàng thì đã bị ông Th phát hiện và tố cáo đến cơ quan công an. D biết sự việc bị tố cáo nên đã đến gặp bà Sửu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện bà Sửu chưa trả lại D tiền.

Tại Cơ quan điều tra, ông Th và bà Nh đều khẳng định: Vợ chồng ông bà không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ai, cũng chưa đến văn phòng công chứng số 05 lần nào.

Xác minh tại UBND xã Xuân Thu xác định: Ngày 09/7/2019, UBND xã Xuân Thu không cấp bản trích lục kết hôn số 32 ngày 09/7/2019 và UBND xã không có ai tên là Pham Văn H làm phó chủ tịch UBND xã Xuân Thu.

Xác minh tại Đội Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội, Công an huyện Sóc Sơn kết quả: Hồ sơ hộ khẩu số 251H, sổ đăng ký thường trú số HB15, tờ số 63 không lưu tại tàng thư, hộ khẩu của Đội Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an huyện Sóc Sơn, xác nhận ký hiệu trên là không có.

Kết luận giám định số 2020 ngày 17/3/2020 của Phòng KTHS – Công an TP Hà Nội kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Đỗ Văn Th (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định với chữ ký, chữ viết đứng tên Đỗ Văn Th trên mẫu so sánh là chữ do cùng một người ký và viết ra.

2. Người có chữ viết đứng tên Mạc Đăng D1 trên mẫu so sánh là người viết ra chữ ký dạng chữ viết "Th" và chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn Th (dưới chữ ký) trên mẫu cần giám định.

3. Người có chữ viết đứng tên Nhữ Thị Th trên mẫu so sánh là người viết ra chữ ký dạng chữ viết "Nh" và chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Nh

Tại bản kết luận giám định số 2778 ngày 15/4/2020, Phòng KTHS – Công an TP Hà Nội đã ban hành, kết luận:

1. Dấu in đường vân tay nằm bên trái dòng chữ viết "Nguyễn Văn Th" ở mục bên chuyển nhượng trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Phòng công chứng số 05 – TP Hà Nội chứng nhận ngày 18/7/2019, số công chứng 1694, quyển số 01 gửi giám định và dấu in đường vân ngón trỏ phải trên chỉ bản mang tên Mạc Đăng D1 gửi làm mẫu so sánh là của cùng một người.

2. Dấu in đường vân tay nằm bên trái dòng chữ viết Nguyễn Thị Nh ở mục Bên chuyển nhượng gửi giám định và dấu in đường vân ngón trỏ phải trên chỉ bản mang tên Nhữ Thị Th gửi làm mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Thị D Mạc Đăng D1, Nhữ Thị Th, Đỗ Văn Th thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số:128/CT – VKS ngày 23/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn đã truy tố Nguyễn Thị D Mạc Đăng D1, Nhữ Thị Th tội Làm giả; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo điểm c, khoản 2, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Đỗ Văn Th tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội D bản Cáo trạng đã truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi đánh giá chứng cứ, tính chất vụ án, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên Quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm c, khoản 2, Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS Đối với Th, D;

- Điểm c, khoản 2, Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS Đối với D.

- Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS Đối với Th.

- Điều 106, Điều 135; Điều 326; 328; 331 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phạt: - **Nguyễn Thị D** mức án từ 26 đến 30 tháng tù về tội "Làm giả; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", Th hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Th hành án.

- Mạc Đăng D1 mức án từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, Th gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng về tội "Làm giả; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Nhữ Thị Th mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội "Làm giả; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", Th hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Th hành án.

- Đỗ Văn Th mức án từ 15 đến 18 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", nhưng cho hưởng án treo Th gian thử thách từ 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

Truy thu số tiền 5.000.000đ của Mặc Đăng D và Nguyễn Văn Th để sung công quỹ Nhà nước.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Nội D vụ án: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và phù hợp với các biên bản, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội D vụ án đã nêu ở phần trên và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở xác định:

Tháng 7/2019, thông qua mạng xã hội, Nguyễn Thị D có hành vi cung cấp thông tin, thuê người làm giả 04 tài liệu của Cơ quan Nhà nước gồm: 02 Chứng minh thư nhân dân; 01 Sổ hộ khẩu hộ ông Nguyễn Văn Th; 01 trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị Nh. Sau khi làm được các tài liệu giả, D đã sử dụng để thực hiện việc chuyển nhượng trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Nh.

Để thực hiện được hành vi D đã liên hệ đặt vấn đề với Mạc Đăng D1, Nhữ Thị Th để D và Th cung cấp chứng minh thư nhân dân cho D để D scan gửi cho người khác làm giả chứng minh thư nhân dân của ông Th và bà Nh. D, Th biết D làm giả giấy tờ nhưng vẫn đồng ý giúp D T hành thủ tục công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích hưởng lợi từ số tiền D hứa đưa cho sau khi xong việc. Do đó có vai trò đồng phạm giúp sức cho D về hành vi Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với Đỗ Văn Th không biết D làm giả tài liệu như thế nào nhưng biết rõ là D cung cấp tài liệu giả cho văn phòng công chứng và giúp D chuyển nhượng quyền sử dụng đất (của ông Th, bà Nh) trái pháp luật để được hưởng lợi 5.000.000 đồng. Hành vi của Th có vai trò đồng phạm giúp sức cho D về hành vi Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Hành vi làm giả tài liệu giấy tờ của D nhằm mục đích sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và hành vi biết rõ D làm giấy tờ giả nhưng D và Th lại tích cực giúp D thực hiện hành vi phạm tội đã đủ yếu tố cấu thành tội Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Đỗ Văn Th biết D sử dụng giấy tờ giả để thực hiện giao dịch tại Phòng công chứng nhằm mục đích sang tên chuyển nhượng đất nhằm hưởng lợi số tiền do D đã hứa đã đủ yếu tố cấu thành tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 341 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Cơ quan Nhà nước. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi, Thếu ý thức tôn trọng pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của luật pháp, có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo D, Th, D đã phạm tội "Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; bị cáo Th đã phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Do đó, việc truy tố các bị cáo ra trước pháp luật là cần Thết và cần phải có một mức án phù hợp tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo.

[3] Khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét đến tính chất vụ án, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Bộ luật hình sự quy định.

Xem xét về tính chất, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án thấy.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; Bị cáo D là người khởi xướng, chủ mưu, trực tiếp làm giả giấy tờ tài liệu và lôi kéo các bị cáo khác giúp sức cho mình để thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo giữ vai trò chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các đồng phạm giúp sức còn lại.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân:

+ Đối với bị cáo D, ngày 14/5/2021, bị Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 Bộ luật hình sự) và tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật hình sự). Vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

+ Bị cáo Th, ngày 14/5/2021, bị Cơ quan CSĐT – Công an TP Hà Nội khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 Bộ luật hình sự) và tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật hình sự). Vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, xuất thân từ thành phần lao động, quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS. Bị cáo D bị bệnh hiểm nghèo (Suy thận cấp đang điều trị chạy thận nhân tạo chu kỳ tuần 3 lần tại Khoa thận-Tiết niệu Bệnh viện ĐKKV Phúc Yên), trong vụ án này D và Th là hai vợ chồng vì tính nhân đạo của pháp luật nên xét cho bị cáo D được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật cho cải tạo ngoài xã hội. Bị cáo Th bản thân phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy đối với Th và D thấy không cần Thết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nên có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với D và Th do tính chất và hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm, ngoài hành vi phạm tội lần này, hai bị cáo hiện đang bị Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Nội khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với hai bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174 Bộ luật hình sự) và tội Sửa chữa và sử dụng giấy chứng nhận, các tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 340 Bộ luật hình sự). Vụ án đang trong giai đoạn điều tra. Do vậy thấy cần phải cách ly và có mức hình phạt tù nghiêm khắc đối với D và Th để giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ tại Văn phòng công chứng số 05 các bản sao giấy tờ giả (gồm chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu và trích lục kết hôn mang tên ông Th, bà Nh) là vật chứng của vụ án cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với giấy tờ giả (bản gốc), do D đã tiêu hủy nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC602944, phần nội D thay đổi và cơ sở pháp lý, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (ở trang 4) bị tẩy xóa. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là giấy chứng nhận QSDĐ của ông Nguyễn Văn Th được cấp hợp pháp, do vậy cần phải trả lại cho ông Th. Đối với hành vi của các bị cáo sử dụng giấy tờ tài liệu, con dấu giả nhằm mục đích thực hiện giao dịch, ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng số 05 sang tên chuyển

nhượng đất của gia đình ông Th sang tên cho bị cáo Nguyễn Văn Th là vi phạm pháp luật. Do vậy hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ được xác lập ngày 18/7/2019 tại trụ sở Phòng Công chứng số 5 thành phố Hà Nội do Công chứng viên Nguyễn Thị Kim Chi chứng nhận giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Nh và bên nhận chuyển nhượng là ông Đỗ Văn Th là Hợp đồng vô hiệu. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với số tiền 5.000.000đ D trả công cho Th và D là tiền phạm tội mà có cần truy thu sung công.

[6] Về trách nhiệm dân sự: D khai đưa cho bà Sửu 150.000.000 đồng để trả nợ cho ông T, việc đưa tiền không có giấy tờ gì. Bà Sửu khai chỉ nhận của D 90.000.000 đồng, không có việc nhận 150.000.000 đồng như D khai. Hiện bà Sửu chưa trả lại cho D số tiền 90.000.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự do các bên không có yêu cầu nên nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với đối tượng Phan Hoàng: D không biết tên, tuổi, địa chỉ, không có số liên lạc nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh.

Đối với bà Nguyễn Thị S, nhờ D trả tiền ông T để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không biết, không liên quan đến việc D làm giả và sử dụng giấy tờ giả nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm c, khoản 2, Điều 341; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Th, D, D. Thêm Điều 38 Bộ luật hình sự cho bị cáo Th và D; thêm khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo D.

- Khoản 1, Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với Th.

- Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử phạt:

- **Nguyễn Thị D** 26 (Hai mươi sáu) tháng tù về tội "Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", Th hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Th hành án.

- **Nhữ Thị Th** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội "Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", Th hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo Th hành án.

- **Mạc Đăng D1** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội "Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", nhưng cho hưởng án treo Th gian thử thách từ 48 tháng kể từ ngày tuyên án

- Đỗ Văn Th 15 (Mười lăm) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", nhưng cho hưởng án treo Th gian thử thách từ 30 tháng kể từ ngày tuyên án

Giao bị cáo Mạc Đăng D1 cho UBND xã H N, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong Th gian thử thách.

Giao bị cáo Đỗ Văn Th cho UBND xã Tân Dân, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong Th gian thử thách.

Trong Th gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Th hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về vật chứng: Trả lại ông Nguyễn Văn Th 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC602944 (bản gốc), phần nội D thay đổi và cơ sở pháp lý, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (ở trang 4) bị tẩy xóa.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong Th hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

N¬i nhËn
- *VKSND H. Sãc S¬n;*
- *THADS H. Sãc S¬n;*
- *Toµ ¸n Hµ Néi;*
- *UBND xã Q T;*
- *C¸c ®ư¬ng sù;*
- *Lưu HS, VP.*

Tm. Héi ®ång xÐt xö s¬ thÈm
ThÈm ph¸n- Chñ täa phiªn tßa

Lê Việt Hùng